

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-6-2020

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung L - H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; Nơi ĐKKH: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ), sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2020, bản tự khai, các đơn đề nghị và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/1996. Sau khi kết hôn chị L và anh H (tức Đ) cùng chung sống ở gia đình nhà chồng tại thôn A, xã L, huyện Thái Thụy. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L thì nguyên nhân do anh H (tức Đ) có quan hệ bên ngoài, không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Mâu thuẫn trở lên trầm trọng từ đầu năm 2016 dẫn đến vợ chồng sống ly thân, chị L đã dẫn các con đi làm ăn và sinh sống tại thành phố Đ, tỉnh Bình Phước còn anh H (tức Đ) vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Đến nay, chị L xác

định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh H (tức Đ).

Về con chung: Chị và anh H (tức Đ) có ba con chung là các cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 02/9/1996, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 06/7/2001 và cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 08/11/2008. Các cháu Nguyễn Hồng L' và Nguyễn Hồng C đã trưởng thành và khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Nguyễn Hồng Y hiện nay đang ở cùng với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh H (tức Đ) cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày anh chị không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ) nhiều lần, tuy nhiên anh H (tức Đ) không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và họp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho anh H (tức Đ) ở gia đình tại thôn A, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, anh H (tức Đ) đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên từ chối không nhận văn bản, không ký xác nhận vào các văn bản của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 08/5/2020, Ủy ban nhân dân xã và Công an xã L, huyện Thái Thụy cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 01/02/1973 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, số chứng minh nhân dân 151079317 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 07/4/2005 và Nguyễn Văn Đ theo trích lục kết hôn số 65/TLKH-BS ngày 05/2/2020 là cùng một người và là công dân của xã L được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với chị Bùi Thị L mà Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đang thụ lý giải quyết. Hiện nay anh H (tức Đ) vẫn đang sinh sống và lao động tại địa phương. Chị Loan và anh H (tức Đ) có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/1996 ngày 12/5/1996. Sau khi kết hôn, chị L và anh H (tức Đ) chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2015 thì chị L cùng các con đã chuyển đi nơi khác sinh sống còn anh H (tức Đ) thì vẫn ở tại địa phương, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng anh chị có xảy ra tình trạng đánh cãi nhau còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng chị L vẫn kiên quyết bỏ đi và anh chị đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2015 đến nay. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã L về việc chị L xin ly hôn anh H (tức Đ) là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đương sự đã sống ly thân quá lâu và chị L kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị L và anh H (tức Đ) có ba con chung là các cháu Nguyễn Hồng L', sinh ngày 02/9/1996, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 06/7/2001 và cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 08/11/2008. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Hiện nay không có thông tin phản

ánh tại địa phương về việc chị L và anh H (tức Đ) có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh H mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị L xin ly hôn anh; được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh không trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ); Về quan hệ con chung: Hai con chung Nguyễn Hồng L', sinh ngày 02/9/1996 và Nguyễn Hồng C, sinh ngày 06/7/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Giao con chung Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 08/11/2008 cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh H (tức Đ) cấp dưỡng nuôi con. Anh H (tức Đ) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh H (tức Đ) đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H (tức Đ) kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/1996 ngày 12/5/1996. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do anh H (tức Đ) có mối quan hệ bên ngoài, không quan tâm đến gia đình, chăm sóc con cái nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào đầu năm 2016, chị L cùng các con đã chuyển vào tỉnh Bình Phước làm ăn sinh sống, từ đó đến nay anh chị không hỏi han nhau cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Hiện nay, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tại các văn bản gửi đến Tòa án và trong quá

trình làm việc tại Tòa án, chị L trình bày anh H (tức Đ) không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn hôn nhân, anh H (tức Đ) trốn tránh không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho chị và chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, chị kiên quyết xin được ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh H (tức Đ), anh H (tức Đ) đã biết được việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Loan, từ chối nhận các văn bản của Tòa án, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc anh H (tức Đ) không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi chị L và anh H (tức Đ) cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân từ năm 2015. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H (tức Đ) đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, chị L cương quyết xin ly hôn, cần xử cho chị L được ly hôn anh H (tức Đ) là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị L và anh H (tức Đ) có ba con chung là các cháu Nguyễn Hồng L', sinh ngày 02/9/1996, cháu Nguyễn Hồng C, sinh ngày 06/7/2001 và cháu Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 08/11/2008. Cháu Nguyễn Hồng L' và Nguyễn Hồng C hiện nay khỏe mạnh và đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Cháu Nguyễn Hồng Y hiện đang ở cùng với chị L. Ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh H (tức Đ) cấp dưỡng nuôi cháu Y. Xét nguyện vọng của cháu Y muốn được ở với mẹ cũng như để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu Y do từ trước đến nay cháu vẫn được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và đang phát triển bình thường, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử giao con chung Nguyễn Hồng Y cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Loan không yêu cầu anh H (tức Đ) phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H (tức Đ) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H (tức Đ) có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273

Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân H (tức Nguyễn Văn Đ).

2. Về con chung: Hai con Nguyễn Hồng L', sinh ngày 02/9/1996 và Nguyễn Hồng C, sinh ngày 06/7/2001 đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hồng Y, sinh ngày 08/11/2008. Chị L không yêu cầu anh H (tức Đ) cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002152 ngày 28/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã L;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh